

Tập 209

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm mười chín:

(Sớ) Xưng Lý, tức tự tánh vạn thiện đồng quy, thị đồng hội nhất xứ nghĩa.

(疏)稱理，則自性萬善同歸，是同會一處義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh vạn thiện đồng quy là ý nghĩa “ở cùng một chỗ”).

“Tự tánh vạn thiện đồng quy” là gì, sách Diễn Nghĩa có chú giải:

(Diễn) Vạn thiện đồng quy giả, hằng sa Tánh Đức bất ly Chân Như, thị tánh thiện đồng quy dã.

(演)萬善同歸者，恆沙性德不離真如，是性善同歸也。

(Diễn: Vạn thiện đồng quy: Hằng sa tánh đức chẳng lìa Chân Như chính là cùng quy vào các điều thiện nơi tánh).

Câu này giải thích đơn giản, rõ ràng, xác đáng, giải thích hết sức hay! Tánh là nói tới Chân Như bản tánh của chính mình. Trong Phật pháp thường nói “tự tánh”, tự tánh là tự thể, “Tánh” cũng có thể hiểu là Thể. Nhà Thiền nói “*diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra*” chính là nói đến tự tánh. Tìm cho ra cái mà ta sẵn có trước khi được cha mẹ sanh ra chính là gì vậy? Tánh là con người thật sự, là Chân Ngã của chúng ta. Phật pháp nói “vô ngã”, vô ngã chính là nói “thân này chẳng phải là Ta”, tánh mới là Chân Ngã. Tánh là cái Ngã (cái Ta) thật sự, “bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, bất cấu, bất tịnh”, đó là Chân Ngã. Tự tánh vốn có vô lượng trí huệ, vô lượng năng lực, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ. Vì vậy, dùng hai chữ “hằng sa” (恆沙) để tỷ dụ. “Hằng sa” là nói [gọn của] “Hằng hà sa số” (恆河沙數: số cát trong sông Hằng). Thuở đức Phật tại thế, Ngài thường giảng kinh, hoằng pháp trong lưu vực (drainage basin) sông Hằng. Sông Hằng là một con sông rất lớn tại Ấn Độ, giống như Trường Giang và Hoàng Hà của Trung Hoa,

sông dài đến mấy ngàn dặm, lại còn có bề rộng rất lớn. Cát trong sông Hằng hết sức mịn, gần giống như bột mì, mịn hơn các loại cát chúng ta thường thấy rất nhiều. Quý vị nói xem một giải sông Hằng có bao nhiêu cát! Vì vậy, hễ nói đến số lượng nhiều, đức Phật thường dùng “*Hằng hà sa*” (cát sông Hằng) để tỷ dụ. Đức năng sẵn có trong bản tánh của chúng ta nhiều như cát sông Hằng; trí huệ, năng lực, tài nghệ nhiều như vậy chẳng hề rời lìa bản tánh. Chân Như là bản tánh, [những thứ như trí huệ, năng lực, tài nghệ v.v...] chẳng rời khỏi bản tánh. Do vậy, bản tánh khởi tác dụng, [các tác dụng ấy] trở về bản tánh, trở về chính là ý nghĩa “*đồng quy*”, “*vạn thiện đồng quy*”.

(Diễn) *Tùng tánh khởi tu, toàn tu tức tánh, tắc tu thiện diệt đồng quy hỷ.*

(演)從性起修，全修即性，則修善亦同歸矣。

(Diễn: *Từ tánh khởi tu, toàn thể tu chính là tánh, nên tu thiện cũng đồng quy vậy.*)

Hai câu này thoạt nhìn thì thấy dễ dàng, thực hiện chẳng dễ dàng. Vì sao chẳng dễ dàng? Do quý vị chẳng kiến tánh. Chẳng kiến tánh tức là tâm quý vị chẳng “*minh*”, Thiền gia nói “*minh tâm kiến tánh*”, tâm chúng ta chẳng minh. Vì sao tâm chẳng minh? Tâm có ô nhiễm; hễ có ô nhiễm sẽ chẳng minh. Giống như một tấm gương, gương bị nhuốm bẩn, soi vào sẽ không thấy. Ô nhiễm gì vậy? Có Vô Minh ô nhiễm, có Trần Sa ô nhiễm, có Kiến Tư ô nhiễm. Hơn nữa, có thể nói là những thứ ô nhiễm ấy hết sức nghiêm trọng. Chúng ta có thể “*từ tánh khởi tu*” hay không? Đây là một vấn đề rất lớn! Trong Phật pháp, không chỉ riêng Thiền Tông yêu cầu minh tâm kiến tánh, mà bất cứ tông phái nào cũng đều nhắm đến mục đích “*minh tâm kiến tánh*”. Nếu chẳng minh tâm kiến tánh, sẽ chẳng phải là Phật pháp, sẽ không gọi là Phật giáo. Chỉ là phương cách để đạt tới minh tâm kiến tánh [trong mỗi tông phái] khác nhau, chứ mục tiêu quyết định là nhất trí. “*Minh tâm kiến tánh*” trong nhà Thiền nói theo Giáo Hạ sẽ là “*đại khai viên giải*”. Nói bằng những danh từ khác nhau, thật ra vẫn là cùng một chuyện. Chư vị hãy ngẫm xem, nếu không minh tâm kiến tánh, làm sao có thể đại khai viên giải cho được? “*Hằng sa Tánh Đức bất ly Chân Như*”, đó mới là đại khai viên giải, nói theo Tịnh Độ Tông sẽ là Lý nhất tâm bất loạn. Cách nói

khác nhau, danh xưng khác nhau, phương pháp tu hành khác nhau, thật ra là cùng một chuyện.

Do vậy có thể biết kiến tánh rất trọng yếu. Không chỉ là học Phật là phải nhấn mạnh kiến tánh, xưa kia, học sách Khổng Tử cũng nhấn mạnh kiến tánh. Trẻ nhỏ đi học, học Tam Tự Kinh: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện; tánh tương cận, tập tương viễn*” (Con người thoát đầu tánh vốn lành, tánh thì gần giống nhau, do được dạy dỗ mà trở thành khác xa nhau). “*Tánh*” là nói đến chân tánh, chân tánh tương cận, [nghĩa là] chân tánh tương đồng. Tập tánh tương viễn (khác xa nhau), tập tánh là ô nhiễm. Do mức độ ô nhiễm của quý vị đây hay mỏng khác nhau, nên tập tánh sẽ chẳng giống nhau. Chư vị phải biết: “*Tập*” (習) là ô nhiễm, nên nó mới càng ngày càng xa. Làm như thế nào để bỏ sạch tập tánh, khôi phục bản tánh? Nho gia cũng nói đạo lý này. Dùng phương pháp gì? Nói thật thà, phương pháp được Nho gia sử dụng và phương pháp được sử dụng trong Tịnh Độ Tông của Phật môn đại đồng tiêu dị (xét theo đại cương là giống nhau, khác nhau ở những điểm nhỏ nhặt): Trước hết là tu tâm thanh tịnh, chớ nên có vọng tưởng. Vọng tưởng là tập tánh. Do tập tánh đã quá lâu, nên trở thành thân thuộc. Học Phật chẳng có gì khác, [chỉ là] đổi chỗ sống sót thành chỗ chín rục, lại đổi chỗ chín rục thành chỗ sống sót, sẽ thành công. Hằng ngày dấy vọng tưởng, đó là chín rục; niệm Phật thì niệm niệm bèn đứt đoạn, quên khuấy. Vì sao? Quá xa lạ! Làm thế nào để có thể biến cái xa lạ thành cái thân thuộc, biến cái thân thuộc thành điều xa lạ, quý vị sẽ thành công.

Vì lẽ đó, Nho gia dạy học trò, học trò nhỏ đi học, trước hết dùng phương pháp gì? Trước hết, dạy quý vị học thuộc lòng sách. Đã thuộc rồi vẫn chưa coi là xong, đã thuộc rồi thì còn phải thuộc nhuần nhuyễn hơn, vẫn phải đọc. Nói thật ra, trẻ nhỏ học thuộc sách chẳng khó khăn cho mấy. Thầy dạy cho trò một bài trong sách, trò đọc dăm ba lần bèn thuộc. Vì thế, đã thuộc lòng thì hiện thời ứng phó trong thi cử sẽ rất đơn giản. Thầy đốc thúc, sau khi đã thuộc, trò vẫn phải đọc một trăm lần hoặc hai trăm lần. Lại còn phải niệm ra tiếng; chẳng niệm ra tiếng, nó sẽ dấy vọng tưởng. Niệm ra tiếng, thầy nghe thấy, [biết] trò đang đọc sách tại đó, chẳng dấy vọng tưởng. Vì vậy, thầy buộc trò mỗi ngày đọc mấy giờ, tức là trong mấy giờ, trò chẳng dấy vọng tưởng, huân luyện điều này. Huân luyện như vậy năm, sáu năm, thật vậy, trò bớt vọng tưởng, tâm dần dần thanh tịnh. Nhà trường xưa kia là Tiểu Học, trên Tiểu Học là Đại Học, chẳng có Trung Học. Học xong Tiểu Học bèn có thể học Đại Học. Tiểu Học học gì vậy? Tiểu Học tu tâm thanh tịnh, chẳng học điều gì

khác, khóa trình của chúng nó là tâm thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh sẽ có thể tiếp nhận đại pháp. Vì vậy, khi vào trường Thái Học (tức Đại Học hiện thời)¹, thầy giảng giải cho trò, những điều được giảng chính là những thứ trò đã học từ Tiểu Học. Tiểu Học học Tứ Thư, Ngũ Kinh, [các tác phẩm của] chư tử bách gia, chỉ học chứ không nghe giảng. Đến khi vào Đại Học, tâm trò thanh tịnh, [thầy] vừa nói trò bèn hiểu ngay, có thể lãnh hội, có thể khai ngộ. Nay [sinh viên] trường đại học hoặc nghiên cứu sinh đọc cổ văn vẫn chẳng thể khai ngộ. Vì sao? Tâm họ trước nay chưa hề thanh tịnh một ngày nào! Tuyệt đối chẳng phải là người hiện thời chẳng thông minh như cổ nhân, [hoặc là do] người hiện thời chẳng có phước báo to như cổ nhân, tôi tuyệt đối chẳng thừa nhận [những lập luận như vậy]! Sớ dĩ người hiện thời chẳng bằng cổ nhân là do [sử dụng] phương pháp sai lầm.

Từ chỗ này, chư vị bèn hiểu: Nếu quý vị muốn thật sự có một chút ngộ xứ trong Phật pháp, chẳng tu tâm thanh tịnh sẽ vô dụng. Nghe giảng chẳng thể khai ngộ, quý vị chỉ có thể nghe được một chút Phật học thường thức mà thôi. Nếu quý vị thật sự niệm Phật ba năm, niệm sao cho cái tâm định lại, đừng nói là tôi phải giảng cho quý vị nghe hết một bộ

¹ Thái Học (太學) là cơ cấu giáo dục cao nhất thời cổ. Từ thời cổ đã lập ra Thái Học (nhưng danh xưng chưa thống nhất, có khi gọi là Tịch Ung (辟雍), thời Ngu Thuán gọi là Thượng Tường (上庠), thời Ngũ Đế gọi là Thành Quân, 成均), mãi đến đời Hán, Thái Học mới trở thành danh xưng chính thức của các trường đại học do chánh quyền lập ra tại kinh đô, và chính thức lấy tư tưởng Nho gia làm giáo dục chủ đạo trong nhà trường. Đến đời Tấn, lại lập riêng một trường Thái Học để dạy con em công khanh, gọi là Quốc Tử Học (國子學, tức Quốc Tử Giám (國子監) sau này), nhưng các trường Thái Học và Quốc Tử Học vẫn do cùng một quan Quốc Tử Tế Tửu (國子祭酒, tương đương với hiệu trưởng) trông coi. Danh xưng Tế Tửu chỉ có từ đời Tấn Vũ Đế, chức Tế Tửu thường do Tế Tướng kiêm nhiệm, hai vị quan phụ tá chức Tế Tửu được gọi là Tư Nghiệp (司業). Sớ dĩ gọi hiệu trưởng Quốc Tử Giám là Tế Tửu vì trong cổ lễ, khi cúng tế hoặc yến tiệc, bậc niên trưởng hoặc đức cao trọng vọng sẽ đại diện cho mọi người dâng rượu lên thần minh. Vì vậy, danh xưng Tế Tửu đồng nghĩa với người được đại chúng coi trọng. Từ giữa đời Tống trở đi, chức Tế Tửu có trách nhiệm gần như thứ trưởng giáo dục hiện thời, vì chương quản tất cả các trường Thái Học, Quốc Tử Giám, Vũ Học, Luật Học, Tiểu Học, ban định chính sách, sắc lệnh, tổ chức khảo thí viên chức, thăng thưởng, xử phạt các học quan (viên chức giáo dục) và hiệp trợ Thượng Thư bộ Lễ lo tổ chức thi cử. Từ thời Minh, Thanh trở đi, Tế Tửu bị giáng xuống bậc Tùng Tứ Phẩm và quyền hạn bị thu hẹp rất nhiều, chỉ lo quản trị Quốc Tử Giám.

kinh, có thể là giảng cho quý vị một hai tiếng đồng hồ, quý vị liền hoảng nhiên đại ngộ, bèn khai ngộ. Vì sao? Tương ứng với cái tâm của quý vị. Nếu không, giảng nhiều năm như thế, tôi giảng suốt ba mươi năm, chẳng thấy một ai khai ngộ. Hãy xem thời cổ, các bậc cao tăng đại đức giảng kinh thuyết pháp chưa đầy mấy năm, học trò dưới tòa khai ngộ cả đống, chẳng ít người! Do vậy có thể biết, quyết định là chẳng thể thực hiện trình tự giáo học sai sót. Nay chúng ta đã đảo lộn thứ tự thuận chiều, hiện thời, nói thật thì là mọi người chẳng tin tưởng, không chịu tiếp nhận. Lừa gạt quý vị, quý vị rất vui thích, rất hoan hỷ. Người hiện thời nhận giả, chẳng nhận thật, nghe lừa, chẳng nghe khuyên. Người hiện thời đáng thương, chẳng có phước báo! Có những vùng, người ta thật sự mong học, nhưng chẳng đủ điều kiện, cơ duyên chưa chín muồi! Mong học mà thiếu hoàn cảnh, chẳng có một vị thầy tốt đẹp chỉ dạy. Chúng ta ở đây đầy đủ điều kiện, có cơ duyên, nhưng chính mình chẳng tin tưởng, tức là chính mình chẳng có thiện căn và phước đức. Tuy có nhân duyên, cũng chẳng thể thành tựu. Ất phải có đầy đủ ba điều kiện là thiện căn, phước đức, và nhân duyên thì mới có thể thành tựu.

Sau khi đã kiến tánh, chúng tôi hạ thấp tiêu chuẩn kiến tánh một chút, [tức là] sau khi cái tâm thanh tịnh, sẽ tu hành khác hẳn, hoàn toàn chẳng tương đồng. Tuy chẳng phải thật sự là “*từ tánh khởi tu, toàn thể tu chính là tánh*”, ít nhiều thì cũng có chút phần tương ứng, chẳng phải là thật sự [kiến tánh] thì cũng là tương tự. Đối với Phần Chứng [Tức] Phật và Tương Tự Tức Phật trong Lục Tức Phật như tông Thiên Thai đã nói, người ấy cũng có thể đạt đến Tương Tự Tức [Phật], cách chân thật chẳng xa! Có thể thấy tâm thanh tịnh trọng yếu lắm. Chư vị phải biết: Tu hành là tu tâm thanh tịnh; ngoài cái tâm thanh tịnh ra, toàn là giả. Vì sao? Vọng tâm biến ra lục đạo luân hồi, quý vị đang tạo sự luân hồi lục đạo trong ấy, biến ra lục đạo luân hồi, tự làm, tự chịu. Tâm thanh tịnh tương ứng với tịnh nghiệp, tương ứng với Tịnh Độ. Một người thật sự tu hành, há có thời gian để quản chuyện vợ vắn của kẻ khác được ư? Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác*”. Người tu đạo chân thật há còn công sức đâu để dấy vọng tưởng, suốt ngày tưởng Đông nghĩ Tây, tưởng trước nghĩ sau! [Những kẻ vọng tưởng, lo chuyện bao đồng] đều là phường chẳng thật thà!

Người chẳng thật thà không thể ở trong một Tăng đoàn thật sự hòa hợp. Các thành viên trong một Tăng đoàn thật sự hòa hợp chắc chắn là chẳng có vọng tưởng. Trong một đạo tràng niệm Phật, trong mười hai thời, trong tâm chỉ có mỗi A Di Đà Phật. Hề còn có những thứ khác xen

tạp vào đó, sẽ chẳng hòa hợp. Đạo tràng Thiên Tông hằng ngày nếu chẳng tham thoại đầu thì sẽ quán tâm, đó là biết dụng công, công phu đặc lực. Trong thế gian hiện thời, tôi học Phật gần bốn mươi năm, đã tới nhiều nơi trong và ngoài nước, chẳng thấy một đạo tràng nào [thật sự hòa hợp]. Thật sự là một chuyện rất đáng tiếc. Tràng thì có, đạo chẳng có! Dầu có thì tâm chẳng đặt nơi đạo, đạo là tâm thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh, sẽ chẳng có đạo! Vì vậy, “*tu thiện cũng đồng quy*”, thấy đều quy vào Chân Như bản tánh.

(Diễn) *Bất đạt thử lý, xả thử ác tụ, xu bỉ thiện tụ, khả vị khí chân trực vọng, Đông Tây trì tẩu dã.*

(演)不達此理，捨此惡聚，趨彼善聚，可謂棄真逐妄，東西馳走也。

(Diễn: *Chẳng thông đạt lý này, bèn bỏ ác tụ này, hướng đến thiện tụ kia, có thể nói “vứt chân, đuổi theo vọng”, rảo chạy Đông Tây!*)

Câu này hay lắm! Nếu quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật, Lý là chân tướng sự thật, quý vị nói Sa Bà không tốt, chúng ta bỏ Sa Bà, Cực Lạc tốt đẹp, chúng ta lại sang Cực Lạc. Cực Lạc là thiện tụ (nơi điều lành nhóm họp), Sa Bà là ác tụ, người ác đông đảo; chúng ta ngay lập tức rời khỏi nơi đây sang bên đó, bên đó là chỗ các vị thượng thiện nhân cùng tụ họp. Quý vị bỏ nơi đây sang bên đó, chính là “*khí chân, trực vọng*” (bỏ chân, đuổi theo vọng). Quý vị chẳng biết cõi này và cõi kia đều do tự tánh biến hiện, há có này kia! Giới hạn giữa cõi này và cõi kia rốt cuộc ở chỗ nào? Xác thực là chẳng có giới hạn! Nhưng tổ sư đại đức dạy chúng ta bỏ cõi này, tiến sang cõi kia, có thể vãng sanh hay không? Có thể! [Tuy vẫn có thể vãng sanh, nhưng] phẩm vị thấp, vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư.

Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, có còn phải cầu vãng sanh hay không? Vẫn cầu vãng sanh! Vì sao? Lý chẳng phé Sự, Sự chẳng ngại Lý. Do đó, người không hiểu đạo lý này có thể vãng sanh, chấp trước sự tướng mà niệm Phật vẫn có thể vãng sanh. Kẻ hiểu đạo lý này, chẳng niệm Phật, chẳng cầu vãng sanh, [chính là] làm lần đặc biệt to tát, vẫn là chẳng thông đạt lý này, chấp trước bên này, nghĩ bên kia chẳng có, chẳng biết Lý Sự viên dung. Chẳng lẽ Đẳng Giác Bồ Tát không hiểu rõ đạo lý này ư? Liên Trì đại sư hiểu được, lẽ nào Đẳng Giác Bồ Tát không hiểu ư? Đẳng Giác Bồ Tát vẫn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Liên Trì đại

sư đã hiểu, Ngài cũng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chẳng phải là không niệm Phật. Liên Trì đại sư cũng là mỗi ngày niệm Phật hiệu mười vạn câu. Tôi nói cho chư vị biết: Lão nhân gia không niệm kinh mà cũng chẳng niệm chú, Ngài trì Phật hiệu, lại còn chỉ niệm bốn chữ. Suốt ngày từ sáng đến tối là một câu Phật hiệu. Đó là phương pháp tu hành của Liên Trì đại sư.

Quý vị xem truyện ký của Ngài. Đạo tràng của Ngài là chùa Vân Thê ở Hàng Châu. Suốt cả một đời, từ trước đến nay, Ngài chưa hề dựng một ngôi chùa. Vân Thê là một quả núi. Ngài đến nơi đó, thấy phong cảnh núi ấy rất đẹp, hoàn cảnh rất thanh tịnh, u nhã, bèn tự dựng một cái chòi tranh để tán tu. Về sau, Ngài bị người khác nhận biết, [tìm đến hỏi chuyện] xem thử vị pháp sư này ăn nói ra sao? Khi họ hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài nói rất hữu lý. Thanh danh của pháp sư dần dần lan xa như thế đó, có rất nhiều kẻ mong đến thân cận Ngài; dù sao đất rất nhiều, Ngài đã cất chòi tranh ở đây, họ cũng cất chòi tranh nơi đó. Ngài là từ chòi tranh mà hình thành [đạo tràng], chẳng có ý nghĩ muốn dựng chùa. Về sau, do đông người, bèn có thí chủ, [tức là] hàng tại gia cư sĩ có tiền, có thế lực, hết sức kính ngưỡng đại sư, mong dựng một ngôi chùa cho Ngài. Do vậy, suốt một đời, pháp sư Vân Thê chưa từng hóa duyên, chẳng xòe tay xin người khác một đồng nào! Người ta muốn xây dựng, lão nhân gia gật đầu, được! Ở chỗ này, ông dựng đại điện tại đây, chỗ kia là điện gì, nói chung là có người muốn đến dựng, các vị xây dựng là được rồi. Ngôi chùa của Ngài được thành công như thế đó. Vì vậy, đừng sợ chẳng có chùa, chỉ sợ chẳng có đạo! Quý vị thật sự có đạo, thường nói là “*long thiên hộ trì*”. Chính mình chẳng bận tâm chút nào về đạo tràng; hễ bận lòng, tâm sẽ chẳng thanh tịnh. Dựng đạo tràng là do các cư sĩ xây dựng, liên quan gì tới ta? Quý vị dựng xong xuôi, tôi đến đây giảng kinh, thuyết pháp, tôi đến đây cộng tu niệm Phật cùng mọi người. Dựng theo kiểu nào ư? Quý vị thích dựng kiểu nào thì dựng theo kiểu đó. Nếu tôi yêu cầu phải dựng theo kiểu này, hoặc phải dựng theo kiểu nọ, cái tâm lại chẳng thanh tịnh. “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật” mà còn xen tạp dựng kiểu này, cất kiểu nọ, chẳng phải là đã hỏng bét rồi ư? Người chân thật niệm Phật, [danh hiệu] A Di Đà Phật [của người ấy niệm] chẳng thể xen tạp chút gì trong ấy, đó là như pháp. Đây là người thật sự tu đạo, là điển hình, là gương mẫu cho chúng ta. Chúng ta học Phật, hãy lấy [những tấm gương ấy làm] tiêu chuẩn, hãy nên tu học như vậy thì mới có thể đạt được thành tựu.

Do vậy, nhất tâm nhất ý chỉ duyên theo Tây Phương, [sẽ thấy] đôi với hoàn cảnh, có hoàn cảnh nào chẳng tốt đẹp? Hoàn cảnh nào cũng đều tốt! Vì thế, chẳng cần phải rảo Đông chạy Tây. Quý vị nói hoàn cảnh không tốt đẹp. Nói thật thà, chính là do bản thân có quá nhiều vọng tưởng, thấy cái này chẳng tốt, thấy cái kia không tốt. Tâm thanh tịnh, nơi chốn nào cũng đều là đạo tràng. Chúng ta nhất định phải nhớ kỹ điều này. Người chẳng có phước báo, chọn lựa hoàn cảnh như thế nào đi nữa, chọn tới chọn lui, đến cuối cùng vẫn phải chịu tội, vẫn chẳng đạt được điều gì! Có gì cứ phải lãng phí tinh thần và thời gian như vậy? Đạo tràng ở chỗ nào? Đạo tràng ở trong tâm địa, chẳng ở bên ngoài. Cư sĩ Duy Ma nói “*trục tâm là đạo tràng, tâm thanh tịnh là đạo tràng, tâm từ bi là đạo tràng*”. Đạo tràng ở trong tâm địa, há ở bên ngoài!

(Sao) Bách xuyên hội u nhất hải, chúng cảnh hội u nhất không, chư thượng thiện nhân, bất hội thử chi nhất xứ, nhi tương hê hội.

(鈔)百川會於一海，眾景會於一空，諸上善人，不會此之一處，而將奚會。

(Sao: Trăm sông hội tụ trong một biển, các cảnh hội quy một hư không, các vị thượng thiện nhân chẳng tụ hội trong một chỗ này, sẽ nhóm về chỗ nào đây?)

Hoàn toàn nói xứng tánh; hai câu này chính là “*từ tánh khởi tu, toàn thể tu chính là tánh*”. “*Bách xuyên*” (Trăm sông) là nói các dòng nước. Trung Hoa ở phía Tây Thái Bình Dương, tất cả sông ngòi đều xuôi về Đông đổ vào biển Đông, sông lớn dòng nhỏ thủy đều chảy vào biển cả. Sánh ví biển cả như Chân Như bản tánh, tỷ dụ trăm sông như các vị thượng thiện nhân, thủy đều hội quy biển cả. Điều này nhằm nói rõ hết thủy các vị thượng thiện đều do tự tánh của quý vị lưu xuất. Trở về tự tánh có ý nghĩa này. “*Chúng cảnh*” (Các cảnh): Cảnh là cảnh vật, chẳng rời khỏi hư không. Ví hư không như chân tánh, sánh ví các cảnh như chư thượng thiện nhân, chẳng lìa khỏi hư không. “*Chư thượng thiện nhân, bất hội thử chi nhất xứ, nhi tương hê hội*” (Các vị thượng thiện nhân không nhóm họp ở một chỗ này, sẽ hội về chỗ nào?), đến chỗ nào để nhóm họp? Chư thượng thiện nhân nhóm họp ở nơi đâu? Nhóm họp trong một chân tâm. Vì thế, chỉ cần cái tâm quý vị đã chân, tự nhiên các điều thiện cùng nhóm họp. Tâm quý vị chẳng chân, tà ác cùng nhóm họp! Cầu chân tâm thì trước hết là cầu tâm thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh, tiền

thêm một bước nữa là tu tâm bình đẳng. Nếu lại tiến thêm bước nữa, sẽ là đại giác rạng ngời, đó chính là “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*”.

Nhị, khởi hạnh.

二起行。

(Hai là khởi hạnh).

Một đoạn lớn trên đây nhằm khuyên chúng ta phát nguyện, nói rõ ưu điểm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, ưu điểm thù thắng nhất là các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, chúng ta chẳng thể không đến đó. Nếu nay hỏi: Ta mong đến đó, nhưng đến đó bằng cách nào? Phải bảo cho chúng ta biết phương pháp. Vì vậy, đoạn tiếp theo đây là một đoạn trọng yếu nhất trong bộ kinh này.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc.

(經)舍利弗。不可以少善根福德因緣。得生彼國。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy).

Đức Thế Tôn nói ra điều kiện vãng sanh, gồm ba điều kiện là thiện căn, phước đức, và nhân duyên. Thiếu một thứ nào trong ba thứ ấy đều chẳng thể vãng sanh. Các đồng tu chúng ta có muốn vãng sanh thế giới Tây Phương hay không? Nếu thật sự muốn vãng sanh thế giới Tây Phương, hãy đặc biệt lưu ý đoạn này. Có thể vãng sanh hay không? Có nắm chắc vãng sanh hay không? [Những điều ấy] đều [được nói] trong đoạn kinh văn này. Liên Trì đại sư giải thích rất cặn kẽ!

(Sớ) Thừa thượng ngôn “phàm quần dị tựu, thiện tụ nan thân”, hà hướng tối thượng thiện nhân chi hội.

(疏)承上言凡群易就，善聚難親，何況最上善人之會。

(Sớ: Nói tiếp ý đã nói trong phần trên: Lũ phàm dễ nhóm, người lành tụ hội khó thân cận, hướng hô là bậc thiện nhân tối thượng tụ họp).

Nêu rõ phàm phu tụ hội dễ dàng, người lành tụ tập khó khăn. Nay chúng ta đọc kinh A Di Đà ở đây, nghiên cứu chú giải của Liên Trì đại sư, quý vị xem có bao nhiêu người tham gia? Rạp xi-nê, sân khiêu vũ, quý vị thấy bao nhiêu người? “*Phàm quần dị tụ, thiện tụ nan thân*” (Lũ phàm dễ nhóm, người lành tụ hội khó thể thân cận). Kể làm những chuyện giả trá, đông lắm! Nói những điều chân thật, chẳng ai nghe! Kể ra Đài Loan còn khá lắm, mỗi lần giảng kinh còn có nhiều người đến nghe như vậy. Sang ngoại quốc giảng kinh, tuyệt đại đa số các đạo tràng, mười phần hết tám phần là có hai mươi người đến nghe kinh thì đã khá lắm rồi, đã khá nhiều. Năm mươi người quá hiếm có, là tình cảnh long trọng chưa hề có. Ba bốn người đến nghe là chuyện rất bình thường. “*Hà huông tối thượng thiện nhân chi hội*” (Huông hồ là bậc thiện nhân tối thượng tụ hội) đến đâu để tìm cho ra? Chẳng dễ dàng!

Tôi thừa cùng chư vị đồng tu, trong quá khứ, tôi cầu học ở Đài Trung. Tại Đài Trung, pháp duyên của thầy Lý vô cùng thù thắng. Trong danh sách liên hữu của liên xã có ghi tên họ, địa chỉ, số điện thoại, gần như là đến hai mươi lăm vạn người. Thầy Lý mở lớp dạy học tại đó, bồi dưỡng đồng tu giảng kinh, hy vọng mọi người sẽ hăng hái đến ghi danh, chỉ có hai mươi mấy người gom hết dũng khí đến dự, những người khác chẳng dám đến. Tôi ở Đài Trung mười năm, bản thân chúng tôi còn có một lớp nhỏ, lớp ấy đem những gì thầy Lý đã giảng cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, lật đi lật lại vấn đề, hồng thâm nhập, lãnh hội. Lớp học ấy có bao nhiêu người? Bảy người! Chúng tôi mười năm giống như một ngày, bảy người cùng tu với nhau suốt mười năm, ông Từ Tĩnh Dân và Châu Gia Lân ở Đài Trung hiện thời là thành viên của lớp học nhỏ gồm bảy người ấy. Thật sự là khó! Tôi hy vọng trong tương lai chúng ta cũng có một đoàn thể nhỏ, có mười người thật sự phát tâm hoàng pháp lợi sanh, suốt đời chẳng làm Trụ Trì hoặc Đương Gia, chẳng quan tâm đến những chuyện rồi hơi trong thế gian hay xuất thế gian, mà sẽ đọc kinh, nghiên cứu kinh giáo, giảng kinh, thuyết pháp, hy vọng có mười người chúng ta có thể thường ở cùng một chỗ. Nơi nào mời giảng kinh, chúng ta sẽ đến giảng, giảng xong sẽ quay về. Có một căn nhà nhỏ để có thể che mưa đụt gió, ăn no, mặc ấm là đủ rồi, đó là chuyện vui sướng nhất trong đời người. Vì thế, “*tối thượng thiện nhân chi hội*” đích xác là khó gặp gỡ!

(Sớ) Khởi khả dĩ thiểu thiện, thiểu phước nhi đắc sanh dã.

(疏)豈可以少善少福而得生也。

(Sớ: Há có thể nào do chút thiện, chút phước mà được vãng sanh
ư?)

Thiện căn và phước đức ít ỏi sẽ không được.

(Sớ) *Ư trung.*

(疏)於中。

(Sớ: Trong ấy).

Nay phải giải thích cho chúng ta biết thiện căn là gì, phước đức là
gì?

**(Sớ) *Linh Chi dĩ thiện căn vi chánh hạnh, thuộc chi trì danh, dĩ
phước đức vi trợ hạnh, thuộc chi Tịnh nghiệp tam phước.***

(疏)靈芝以善根為正行，屬之持名，以福德為助行，屬
之淨業三福。

(Sớ: Ngài Linh Chi coi thiện căn là chánh hạnh thuộc về trì danh,
coi phước đức là trợ hạnh, thuộc về ba phước trong Tịnh nghiệp).

Nhắc tới lời giải thích của các bậc cổ đại đức. Ngài Linh Chi²
sống vào đời Tống, nghiên cứu giới luật rất kỹ, nên có người gọi Ngài là

² Ngài Nguyên Chiếu, hiệu là Trạch Nhiên, người xứ Dur Hàng, tỉnh Chiết Giang, chuyên hoằng dương Luật Tông và Tịnh Tông vào thời Bắc Tống. Thuở nhỏ, Sư theo hầu luật sư Huệ Giám chùa Tường Phù huyện Tiền Đường, được thọ giới vào năm Trị Bình thứ hai (1065). Năm Hy Ninh nguyên niên (1068), Ngài cùng bạn học là Trạch Anh theo ngài Thần Ngô Xử Khiêm học Thiên Thai Giáo Quán, nghiên cứu rộng rãi giáo nghĩa các tông, nhưng lấy Luật Tông làm chủ. Về sau, do đọc bộ Tịnh Độ Thập Nghi Luận của Thiên Thai đại sư, bèn dốc lòng nơi Tịnh Độ. Lại nương theo lời dạy nhất ý chuyên trì của tổ Thiện Đạo, phát nguyện lãnh chúng đồng tu niệm Phật, nên biên soạn bộ Tịnh Nghiệp Lễ Sám Nghi (đã thất truyền). Sư lại vâng lời dạy của ngài Xử Khiêm, đi khắp nơi tham học Tứ Phần Luật và tông chỉ Pháp Hoa. Sau khi thọ giới Bồ Tát với ngài Quảng Từ Huệ Tài, Sư chuyên tâm nghiên cứu Nam Sơn Luật Học, sưu tập các trước tác của tổ Đạo Tuyên, soạn thành bộ Nam Sơn Luật Sư Soạn Tập Lục. Sư thường mặc áo vải, khát thực. Về sau, an trụ tại chùa Linh Chi Tông Phước, nên thường được gọi là Linh Chi Luật Sư. Do thấy tăng sĩ tu Thiên thời ấy viện cớ chẳng chấp trước mà phóng túng giới luật, coi rẻ niệm Phật, Sư cho

Linh Chi Luật Sư. Ngài coi thiện căn là chánh hạnh, thiện căn là gì? Trì danh là thiện căn. Phước đức là trợ hạnh, phước đức là gì? Tịnh nghiệp tam phước. Lão nhân gia coi Tịnh nghiệp tam phước được nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là trợ hạnh.

(Sớ) Hải Đông, tặc tổng dĩ đa thiện đa phước vi chánh hạnh, vân thị phát Bồ Đề tâm, dĩ thiểu thiện thiểu phước vi trợ hạnh, vân thị chấp trì danh hiệu.

(疏)海東，則總以多善多福為正行，云是發菩提心；以少善少福為助行，云是執持名號。

(Sớ: Ngài Hải Đông gộp chung nhiều thiện nhiều phước thành chánh hạnh, bảo đó là phát Bồ Đề tâm; coi ít thiện ít phước là trợ hạnh, bảo là chấp trì danh hiệu).

Hai vị này kiến giải hoàn toàn khác nhau. Pháp sư Hải Đông (Nguyên Hiều) coi “nhiều thiện căn, nhiều phước đức” là phát Bồ Đề tâm, coi “ít thiện căn, ít phước đức” là chấp trì danh hiệu. [Theo quan điểm này], chấp trì danh hiệu đâm ra biến thành ít thiện căn, ít phước đức. Hai vị này đều là bậc đại đức trong Tịnh Độ Tông, kiến giải khác nhau. Dưới đây là ý kiến của Liên Trì đại sư:

(Sớ) Nhị nghĩa tương vi.

(疏)二義相違。

(Sớ: Hai nghĩa trái nghịch).

Cách nói của hai Ngài hoàn toàn tương phản, Liên Trì đại sư cũng rất viên dung. Ngài cũng chẳng nói vị nào đúng, vị nào sai, Ngài dung hợp hai ý thuyết ấy.

(Sớ) Kim song vi hòa hội.

(疏)今雙為和會。

khắc lại bộ Từ Mẫn Tam Tạng Văn Tập (tức bộ Vãng Sanh Tịnh Độ Tập do pháp sư Huệ Nhật biên soạn), liền bị những kẻ cuồng Thiên nhao nhao công kích, vu cáo Sư nguy tạo tác phẩm ấy. Ngài phải viết sách trần thuật nguyên do, cũng như đưa ra cổ bản để làm chứng, chuyện ấy mới yên.

(Sớ: Nay hòa hợp, dung hội hai thuyết ấy).

Ngài hòa hợp, dung hội chúng.

(Sớ) Vị dục sanh bỉ quốc, tu đa thiện, đa phước. Kim trì danh, nãi thiện trung chi thiện, phước trung chi phước, chánh sở thị vị phát Bồ Đề tâm, nhi vị sanh bỉ quốc chi đại nhân duyên dã.

(疏)謂欲生彼國，須多善多福。今持名，乃善中之善，福中之福，正所是謂發菩提心，而為生彼國之大因緣也。

(Sớ: Nghĩa là muốn sanh về cõi ấy, cần phải có nhiều thiện, nhiều phước. Nay trì danh chính là điều thiện nhất trong các điều thiện, là điều phước nhất trong các điều phước, chính là “phát Bồ Đề tâm” như [ngài Hải Đông] đã nói, là đại nhân duyên để sanh về cõi ấy).

Ngài hòa hợp, dung hội hai ý kiến, coi phát Bồ Đề tâm là chánh hạnh, trì danh cũng là chánh hạnh, phát Bồ Đề tâm là trợ hạnh, trì danh cũng là trợ hạnh. Chánh và trợ như nhau, thấy đều là “*phát Bồ Đề tâm, chấp trì danh hiệu*”. Liên Trì đại sư hòa hợp, dung hội như vậy, chúng ta chẳng còn nghi ngờ, lo âu nữa. Tiếp theo đây, trong lời Sao, Ngài lại giảng cặn kẽ chuyện này.

(Sao) Tương vi giả.

(鈔)相違者。

(Sao: Trái nghịch là).

Giải thích [vì sao] hai ý nghĩa mâu thuẫn với nhau.

(Sao) Nhất dĩ trì danh thuộc chánh.

(鈔)一以持名屬正。

(Sao: Một thuyết coi trì danh là chánh hạnh).

Ngài Linh Chi chủ trương thuyết này.

(Sao) Nhất dĩ trì danh thuộc trợ.

(鈔)一以持名屬助。

(Sao: Thuyết kia coi trì danh là trợ hạnh).

Ngài Hải Đông chủ trương thuyết này.

(Sao) Nhị thuyết mâu thuẫn, nhị thứ kinh đại chỉ, chánh trọng trì danh.

(鈔)二說矛盾。而此經大旨，正重持名。

(Sao: Hai thuyết mâu thuẫn, nhưng ý chỉ chánh yếu của kinh này là chuyên chú trọng trì danh).

Chúng ta quan sát từ kinh này, kinh Di Đà khuyên chúng ta chấp trì danh hiệu, kinh Vô Lượng Thọ cũng khuyên chúng ta chấp trì danh hiệu, có thể thấy chánh hạnh của Tịnh Tông xác thực là chấp trì danh hiệu.

(Sao) Nhược trì danh vi trợ hạnh, tắc hạ văn “văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu”, nghĩa vân hà thông?

(鈔)若持名為助行，則下文聞說阿彌陀佛，執持名號，義云何通。

(Sao: Nếu trì danh là trợ hạnh thì phần kinh văn kể đó nói “nghe nói tới A Di Đà Phật bèn chấp trì danh hiệu”, giải thích ý nghĩa thế nào cho suông sẽ được?)

Quý vị coi chấp trì danh hiệu là trợ hạnh, sẽ chẳng thể nói thông suốt được!

(Sao) Trợ hạnh trì danh, đoán vô thứ lý.

(鈔)助行持名，斷無此理。

(Sao: Coi trì danh là trợ hạnh, quyết chẳng có lẽ này).

Quyết định là nói chẳng thông suốt, chẳng có đạo lý này.

(Sao) Hựu Linh Chi dĩ Quán Kinh tam phước phối thứ phước đức, tắc đệ tam phước phát Bồ Đề tâm nãi thành trợ hạnh, dữ Hải Đông Bồ Đề tâm vi chánh hạnh, nhị diệc mâu thuẫn.

(鈔)又靈芝以觀經三福配此福德，則第三福發菩提心乃成助行，與海東菩提心為正行，二亦矛盾。

(Sao: Ngài Linh Chi lại coi ba phước trong Quán Kinh là “phước đức” được nói trong kinh [A Di Đà] này, vậy thì “phát Bồ Đề tâm” trong phước thứ ba trở thành trợ hạnh, cũng mâu thuẫn với chuyện ngài Hải Đông coi Bồ Đề tâm là chánh hạnh).

Hai vị giảng về chánh hạnh và trợ hạnh đều chẳng giống nhau.

(Sao) Nhi Quán Kinh dĩ tam phước vi Tịnh nghiệp chánh nhân, tắc trợ hạnh Bồ Đề, diệc vô thứ lý.

(鈔)而觀經以三福為淨業正因，則助行菩提，亦無此理。

(Sao: Nhưng Quán Kinh coi tam phước là chánh nhân của Tịnh nghiệp, vậy thì coi Bồ Đề là trợ hạnh cũng là vô lý).

Nếu nói “phát Bồ Đề tâm” trong ba phước là trợ hạnh thì cũng nói không suông! Trong bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tô, khi giảng về tông chỉ, tông chỉ là cương lĩnh tu hành, lão nhân gia đã dùng hai câu “phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm” [làm Tông của kinh Vô Lượng Thọ], hoàn toàn phù hợp khít khao với ý nghĩa này của Liên Trì đại sư. “Phát Bồ Đề tâm” là chánh hạnh, “nhất hướng chuyên niệm” là chánh hạnh. Ngài hòa hợp, dung hội khéo quá!

(Sao) Kim song vị hòa hội giả, hoàn dĩ trì danh vi chánh hạnh, phục dĩ trì danh vi phát Bồ Đề tâm, tắc song thủ lưỡng gia, nhi hòa hội kỳ nghĩa dã.

(鈔)今雙為和會者，還以持名為正行，復以持名為發菩提心，則雙取兩家，而和會其義也。

(Sao: Nay nhằm hòa hợp, dung hội cả hai thuyết, vẫn coi trì danh là chánh hạnh, lại coi trì danh là phát Bồ Đề tâm, tức là sử dụng ý kiến của cả hai vị, dung hợp, hòa hội các nghĩa ấy).

Sau khi đã hiểu rõ ý nghĩa chánh yếu này, [quý vị xem] đoạn văn sau đây trong sách Diễn Nghĩa [sẽ thấy pháp sư Cổ Đức] lại giảng giải cặn kẽ hơn nữa.

(Diễn) Quán Kinh tam phước, vì Tịnh nghiệp chánh nhân giả, văn vân: “Dục sanh bỉ quốc giả, đương tu tam phước: Nhất giả hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp”.

(演)觀經三福，為淨業正因者，文云：欲生彼國者，當修三福：一者孝養父母，奉事師長，慈心不殺，修十善業。

(Diễn: “Quán Kinh tam phước là chánh nhân Tịnh nghiệp”: Kinh văn ghi: “Người muốn sanh về cõi ấy thì hãy nên tu ba phước: Một là hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”).

Ba điều này gồm tất cả mười một câu, ví như tòa cao ốc mười một tầng, tầng sau bao gồm tầng trước, tầng trước chẳng thể bao gồm tầng sau. Giống như tầng cao ốc thứ hai nhất định bao gồm tầng thứ nhất, tầng thứ nhất chưa chắc đã bao gồm tầng thứ hai, vì không xây tầng thứ hai cũng được! Quý vị bèn hiểu tầng thứ nhất là căn bản của căn bản, chẳng làm được điều này, những tầng sau đều chẳng có. Phát Bồ Đề tâm thuộc tầng thứ tám, nếu bảy tầng trước đều chẳng có, lấy đâu ra Bồ Đề tâm? Chẳng có Bồ Đề tâm, dấu niệm A Di Đà Phật, cũng chưa chắc có thể vãng sanh, vì sao? Chánh nhân để vãng sanh là “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”, cái hạnh chánh tu của quý vị chỉ có một nửa, thiếu mất một nửa, chẳng đảm bảo vãng sanh! Nghĩ tới chỗ này, đích xác là chúng ta không lạnh mà run, mới thật sự hiểu rõ vì sao người niệm Phật đông như vậy, người vãng sanh lại ít ngàn ấy! Trước kia, thầy Lý đã từng nói: Một vạn người niệm Phật, hằng ngày cầm chuỗi niệm “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, thật sự vãng sanh cũng chẳng hơn đôi ba người, tỷ lệ không tương xứng! Nguyên nhân ở chỗ nào? Người ấy suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, chỉ niệm một nửa, chẳng có Bồ Đề tâm! Bồ Đề tâm là gì? Bồ Đề tâm là cái tâm hiểu rõ, cái tâm giác ngộ. Tâm kẻ ấy vẫn hồ đồ, mê lung, vẫn điên đảo, vọng tưởng; niệm Phật kiểu đó làm sao vãng sanh cho được? Bồ Đề có nghĩa là giác, Bồ Đề tâm là giác tâm,

giác chứ không mê. Tuy người ấy niệm Phật, vẫn mê chứ không giác; vì thế, chẳng thể vãng sanh. Như thế nào thì mới giác? Chẳng tu bảy tầng dưới sẽ là bất giác. Do đã giác, bảy tầng dưới đã viên mãn, tầng thứ tám đã dựng xong [tức là] bảy tầng dưới đương nhiên đã được dựng, đó là đạo lý nhất định. Chẳng biết Bồ Đề tâm là gì, chẳng biết giác tâm là gì, quý vị hãy từ chỗ này mà lãnh hội sẽ hiểu rõ.

Điều thứ nhất là “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”, chúng ta có làm được hay không? Câu này hết sức không đơn giản. Trên phương diện cuộc sống vật chất của cha mẹ, đối với chuyện phụng dưỡng cha mẹ hết thảy [mọi thứ cần dùng], chúng ta có thể làm được thì có coi là hiếu dưỡng hay chẳng? Quý vị thấy trong Luận Ngữ, Khổng lão phu tử đã nói: Nếu coi đó là hiếu dưỡng thì súc sanh cũng có thể làm được! Do đó, một người hiếu lý, một người đọc sách phải nuôi dưỡng chí nguyện của cha mẹ, tức là đối với những điều cha mẹ trông mong nơi quý vị, quý vị có thể chẳng phụ lòng trông mong ấy, bèn gọi là “*hiếu thuận*”. Nhưng nay chúng ta nói ngược lại, cha mẹ hiện thời kỳ vọng con cái những gì? Đúng là có vấn đề. Trong cổ lễ, đặt tên cho con thơ, tên gọi là niềm kỳ vọng của cha mẹ đặt nơi con, hy vọng trong tương lai, khi quý vị khôn lớn, danh sẽ phù hợp thực. Do vậy, cô nhân đặt tên cho con cái, chẳng phải là đặt tùy tiện. Nay chúng ta thấy rất nhiều người đặt tên cho con bằng tên ngoại quốc. Chúng tôi thấy vậy, cảm thấy lạ lùng, cha mẹ hy vọng con cái đều trở thành người ngoại quốc! Đúng là do chẳng may biết đến văn hóa truyền thống cố hữu của Trung Hoa nên mới phạm khuyết điểm này!

Xét chữ Hiếu theo nhà Phật, nếu cha mẹ đời sau vẫn phải luân hồi trong lục đạo thì con là đại bất hiếu. Hiếu tử thật sự lẽ đâu nhẫn tâm để cha mẹ đời sau vẫn phải đọa trong lục đạo. Do vậy có thể biết, Phật tử đại hiếu là phải độ cha mẹ lìa khỏi tam giới. Hiếu hạnh bậc nhất là phải khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là chân hiếu. Cha mẹ không chịu niệm, cha mẹ chẳng thể tiếp nhận, quý vị phải tìm ra nguyên nhân. Tiêu trừ nguyên nhân ấy, cha mẹ liền vui vẻ tiếp nhận, mới biết chỗ tốt đẹp [của pháp môn] này. Cha mẹ yêu thương con tha thiết, nhất là đã già cả rồi, lẽ đâu con dối gạt cha mẹ? Bất quá trong hiện thời, con cái gạt gẫm cha mẹ quá nhiều, khiến cho cha mẹ cũng không tin tưởng. Trước kia, lừa gạt người khác thì có, chứ lừa cha mẹ chính là đại nghịch bất đạo, tội lỗi ngập trời! Do vậy, rất ít kẻ lừa gạt cha mẹ. Khuyên cha mẹ niệm Phật chính là đại hiếu, chẳng có gì rớt ráo hơn được!

Từ chỗ này chúng ta biết phải nên hiếu thuận cha mẹ ra sao. Hiếu nhất định phải nói tới “thuận”, thuận lòng cha mẹ. Anh em bất hòa, cha mẹ rất đau lòng, đó là bất hiếu. Chị em bạn dâu bất hòa, cũng là bất hiếu. Thường nói là “gia hòa vạn sự hưng”, gia đình hòa thuận, lòng cha mẹ khoan khoái. Con cái đứa nào cũng đều có thể tu dưỡng phẩm đức, theo đuổi những nghề nghiệp chánh đáng, chẳng phạm pháp, chẳng trái nghịch quy củ, đó là hiếu thuận cha mẹ. Xóm giềng làng nước tôn trọng quý vị, càng tôn trọng cha mẹ của quý vị hơn nữa, đó là “hiếu thân” (hiếu thảo với cha mẹ). Vì vậy, hai chữ “hiếu thuận” đích xác là chẳng dễ thực hiện! Nhưng chư vị phải biết: Nếu quý vị chẳng thực hiện căn bản to lớn của việc học Phật thì nói cách khác, quý vị chẳng mong thoát khỏi tam giới, vẫn mong đời sau luân hồi trong lục đạo! Thật sự mong thoát khỏi tam giới, thật sự chẳng phải luân hồi nữa, quý vị phải thực hiện từ chỗ này. Người nhà, anh em trai, chị em bạn dâu chẳng hiếu, ta làm như thế nào? Nhường nhịn. Vì vậy, người Hoa hễ nói đến hiếu, nhất định sẽ nói tới vua Thuấn, lấy vua Thuấn làm gương. Quý vị đọc truyện ký của vua Thuấn, [thấy] người nhà đối xử với ông ta bằng thái độ man rợ, ngang ngược, tệ ác như thế, ông ta chỉ một mực chân thành cung kính đối với bất cứ ai trong nhà. Lâu ngày chầy tháng, sau mười mấy năm, cả nhà đều bị ông ta cảm động, khiến cho cả nhà hòa thuận. Đó mới gọi là “hiếu dưỡng phụ mẫu”. Đối với chuyện hiếu dưỡng phụ mẫu, Đại Thuấn làm được, chúng ta chẳng biết làm như thế nào! Do vậy, niệm Phật suốt mấy chục năm, ngay cả tin tức vãng sanh cũng chẳng có, quý vị nói còn làm sao được nữa, đáng sợ quá! Chúng ta sai lầm, mà chẳng tìm thấy sai lầm ở chỗ nào, đáng thương quá! Nói thật ra, do phạm lỗi chẳng đọc kinh, kinh đã nói rành mạch, rõ ràng, quý vị cũng niệm, nhưng niệm theo kiểu miệng liến láu đọc ào ào cho qua, chẳng hiểu ý nghĩa thật sự, chẳng biết tâm quan trọng như thế nào, cách thực hiện ra sao lại càng chẳng cần phải nói nữa, đáng ngán quá!

Câu thứ hai là “phụng sự sư trưởng”, câu này khó lắm! Chẳng thể hiếu thảo cha mẹ, sẽ không thể kính trọng thầy. Vì vậy, đây là tầng lầu thứ hai. Sư đạo được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Tôn sư trọng đạo, vì sao? Vì chẳng tôn sư là bất hiếu với cha mẹ. Hiện thời, thầy ở nơi đâu? Hiện tại chẳng có thầy! Lứa tuổi tôi còn thấy mấp mé. Thuở bé, tôi đi học tại quê nhà, học trường tư bốn tháng, một thầy dạy hai mươi mấy học trò. Cha dẫn tôi đến đó bái sư, cầm theo lễ vật, ăn mặc tươm tăt,

trường bào, mã quải³. Trước tiên, đôi trước bài vị của Không lão phu tử ba lần quỳ, chín lần khấu đầu, sau đó thỉnh thầy ngồi chính giữa, lạy thầy ba lần quỳ, chín lần khấu đầu. Gia trưởng lạy thầy, tức là phó thác con thơ cho thầy, cầu thầy hãy nghiêm túc dạy bảo. Thầy nhận lễ vật và lễ tiết long trọng như vậy từ gia trưởng, nếu chẳng nghiêm túc giáo huấn đứa trẻ ấy, lẽ nào chẳng có lỗi với gia trưởng, đã phạm lỗi mất rồi! Vì vậy, hiện thời chẳng thấy sư đạo!

Khi chúng tôi học Phật, đến Đài Trung bá sư vẫn dùng cỗ lễ để bái. Ở Đài Trung, có một năm nọ, thầy Lý mở lớp nghiên cứu nội điển, mời sáu vị giáo sư, tôi cũng là một người trong số đó. Thầy Lý mời chúng tôi làm thầy, thay mặt cho gia trưởng của học trò, mời sáu người chúng tôi ngồi ghế trên, thầy cung kính ở dưới lễ ba lạy, chúng tôi cũng đành phải nhận lễ, nhận lễ mà cảm thấy rất ngại ngùng. Lễ chẳng thể thiếu, khiến cho những học trò theo sau thầy [phải cung kính theo]. Quý vị ngẫm xem, chúng tôi có thể nào không nghiêm túc dạy học hay chẳng? Đối với trường học hiện thời thì không được, thầy nghiêm khắc với học trò đôi chút, sẽ bị thưa kiện liền, thầy còn phải bị xử phạt, phiền phức lắm! Do đó, thầy chẳng muốn dạy. Chẳng có sư đạo, chẳng dễ gì thực hiện phụng sự sư trưởng.

Trong “*phụng sự sư trưởng*”, điều quan trọng nhất là y giáo phụng hành, đến đâu để tìm được một đứa học trò y giáo phụng hành? Tìm chẳng ra! Trong quá khứ, một mình tôi giảng kinh bên ngoài rất cô

³ Mã quải (馬褂, tiếng Mãn Châu là Olbo) là một loại áo ngắn mặc ra ngoài áo dài. Cần lưu ý, đối với loại áo ngắn khoác ra ngoài áo dài (trường bào, kỳ bào), có hai loại: Nếu là áo không có tay, sẽ gọi là “mã giáp” (馬甲), trong khi đó, mã quải luôn có tay. Đây là loại phục sức của người Mãn Thanh ép người Hoa phải sử dụng khi quân Thanh vào Trung Nguyên. Mã quải vốn là loại áo chống lạnh khoác ra ngoài áo dài, về sau được sử dụng như một loại trang phục mang tính chất khoa trương sự quyền quý. Loại mã quải màu vàng (được gọi là hoàng mã quải) do hoàng gia ban tặng cho những người có công huân với triều đình. Không được hoàng gia ban tặng hoàng mã quải, sẽ không được phép mặc, trừ các Lạt-ma cao cấp như Chương Gia, Đạt Lai Lạt Ma, Ban Thiền Lạt Ma... mới được phép mặc. Thông thường mã quải được may bằng vải tốt, thường là gấm, vóc, hoặc lụa trơn, cài khuy đằng trước, nhưng thường có màu khác với kỳ bào, nhằm tôn lên chất liệu vải của mã quải. Những kẻ diêm dúa thường viên cổ, thêu thùa hoa văn rực rỡ nơi vạt áo. Mã quải chia thành nhiều loại như đại khâm, đối khâm, tỳ bà khâm... Đặc điểm chung là cổ cao, độn cứng như cổ áo dài, bốn vạt, tức là thân sau do hai khổ vải ghép lại, xẻ vạt đằng trước, dài đến ngang eo, ống tay hẹp, ống tay áo dài hơn bàn tay ba, bốn tấc, nên khi mặc phải vắn ống tay áo lên.

đơn, cũng rất vất vả. Mỗi lần về Đài Trung thăm thầy Lý, tôi đều khuyên lão nhân gia dạy nhiều học trò hơn để chia bớt gánh nặng của chúng tôi. Tôi nói lời này hơn mười mấy lần, nói lúc đầu, thầy Lý gật đầu, đúng thế! Đến lần cuối cùng, chắc là thầy nghe đã chán ngấy, liền bảo tôi: “Anh tìm học trò cho tôi đi”. Từ đấy về sau tôi không nói nữa, vì sao? Tìm chẳng ra! Đến đâu để tìm được một học trò phục tùng thầy một trăm phần trăm? Chẳng có, tìm không ra. Thầy Lý nói: Sư tu đạo hợp (thầy trò hợp đạo) chẳng dễ dàng, học trò mong cầu thầy, chỉ có thể gặp, chứ chẳng thể cầu, chẳng dễ gì cầu được! Chẳng dễ gì cầu được một vị thiện tri thức thật sự. Một vị thầy thật sự tốt đẹp muốn tìm được học trò, cụ Lý bảo tôi, còn khó hơn trò cầu thầy. Tôi thấu hiểu sâu xa chuyện này. Tìm đâu ra một học trò thật thà như vậy?

Hiện thời, học trò có trình độ càng cao càng không nghe lời. Vì sao? Kẻ ấy có vọng tưởng càng nhiều, thành kiến càng sâu, càng khó dạy dỗ. Do đó, pháp sư Diễn Bồi tuyển học trò, Ngài chỉ cần tuyển kẻ thật thà, ngờ nghệch, chẳng cần phải rất thông minh, tốt nghiệp Sơ Trung (cấp Hai, Trung Học Đệ Nhất Cấp) là được rồi. Tại Hương Cảng, Ngài đưa ra điều kiện này, rất nhiều người đều lấy làm lạ, người khác đòi hỏi đồ đệ phải tốt nghiệp đại học, có học vị tiến sĩ. Ngài nói: “Tôi thuộc trình độ [thấp kém] ấy”. Máy ai hiểu ý Ngài? Trình độ càng cao, càng không nghe lời, bề ngoài tuân phụng, bên trong chống trái. Bên ngoài thì gật đầu [vâng dạ] với quý vị, quay lưng đi bèn làm theo ý riêng của hấn, chẳng thể thành tựu! Kẻ có trình độ càng thấp, sẽ càng khiêm hư, vì sao? Người ấy có mặc cảm tự ty, luôn cảm thấy chính mình chỗ nào cũng thua kém người khác, nên có thể phát phần tiến lên, có thể tiếp nhận sự chỉ đạo của thầy. Càng đọc sách nhiều, kiến thức càng rộng, kiêu căng, ngã mạn, kẻ ấy chẳng thể thành tựu. Quý vị hãy nghĩ xem, hiện thời, thầy chẳng tìm được học trò, trò cũng chẳng tìm thấy thầy, hy vọng vãng sanh rất mờ mịt. Hai câu này là căn bản của căn bản, đúng là chẳng dễ dàng!

Thân cận một vị thiện tri thức, thật sự gặp được thầy, nếu giữa các đồng học có va chạm, có ý kiến [khác biệt], đó chẳng phải là phụng sự sư trưởng. Vì sao? Khiến cho sư trưởng phải bận tâm, giống như chẳng hiểu thuận với sư trưởng vậy, có cùng một ý nghĩa. Anh em trong nhà tu hội, số người vẫn chẳng nhiều lắm. Các đồng học tụ tập thường là vượt hơn số lượng anh em, làm thế nào để có thể cư xử hòa thuận? Đối với Lục Hòa Kính trong Tăng đoàn Phật pháp, nếu chẳng thực hiện Lục Hòa Kính, sẽ chẳng thể gọi là phụng sự sư trưởng. Chúng ta hãy suy nghĩ,

người nào trong số chúng ta làm được Lục Hòa Kính? Từ chỗ này, hãy nghiêm túc suy nghĩ cặn kẽ, mới biết vãng sanh chẳng dễ dàng. Nhưng quý vị thật sự muốn vượt thoát tam giới, liễu sanh tử, viên thành Phật đạo trong một đời này, mà chẳng đi theo con đường này, sẽ chẳng có con đường thứ hai nào để đi cả!

Lại thưa rõ cùng chư vị, mười một câu này là “*chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật*”. Nói cách khác, bất luận quý vị học tông nào, bất luận quý vị học pháp môn nào, mười một điều này là căn bản to tát. Đến khi nào mới phân chia [tông phái]? Kể từ sau “*phát Bồ Đề tâm*” trở đi mới phân tông, chia phái. Trước [khi nói tới] “*phát Bồ Đề tâm*”, tám câu ấy chẳng thể phân biệt, chúng là khoa mục tu học chung cho bất cứ tông nào hay bất cứ pháp môn nào!

Đương nhiên, hiện thời nói đến các vấn đề, bất luận là tại gia hay xuất gia, ở trong gia đình thì đối với gia đình bèn bất mãn, bụng đầy áp nổi cay đắng, chẳng có chỗ nào giải bày. Trong đạo tràng cũng là đầy dẫy khổ sở, buồn bực, ủy khuất. Tôi hiểu chuyện này rất rõ ràng, rành rẽ, ai cũng chẳng che mắt tôi được! Quý vị hãy đi tìm, hãy chọn lựa, đương nhiên, trong gia đình thì chẳng có cách nào, vì khi đầu thai, quý vị đã chọn làm, không dễ gì thay đổi. Nhưng đạo tràng nơi quý vị xuất gia chẳng hạn chế nghiêm ngặt như vậy. Đạo tràng này chẳng vừa ý, quý vị tìm đến đạo tràng khác, hãy chọn lựa, tìm tòi! Khó lắm, thật sự là khó!

Vì sao chúng ta có những sự gặp gỡ như vậy? Nói chung, do đời trước, tu phước đức và nhân duyên ít ỏi, đã tạo nhiều ác niệm và ác hạnh, nên đời này, dù tại gia hay xuất gia, điều gì cũng đều chẳng như ý. Hãy nên quay đầu, thành tâm sám hối, nơi nào cũng đều có thể quay lại chẻ trách chính mình, đừng đòi hỏi người khác. Đó là thật sự tu hành, như vậy thì mới có thể thật sự tu hành, mới có thể bù đắp làm lỗi. Nếu còn khởi tâm động niệm dòm ngó lỗi lầm của kẻ khác, kẻ như vậy đã hết cách cứu!

Vì lẽ đó, trong Đại Thừa Phật pháp, chẳng tu mười nguyện Phổ Hiền sẽ không thể viên thành Phật đạo. Tịnh Độ Tông đặc biệt coi trọng mười nguyện Phổ Hiền, tuy là ở nơi đây, trong giai đoạn hiện tiền, chúng ta chưa thể tu được. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy đều tu mười nguyện Phổ Hiền. Mười nguyện Phổ Hiền được kiến lập trên cơ sở pháp bình đẳng, trên cơ sở cái tâm bình đẳng. Tâm địa thật sự thanh tịnh, bình đẳng, giác chứ không mê thì mới có thể tu. Chư vị nghĩ xem, nghĩ coi hai câu này khó khăn chừng nào. Khó khăn, nhưng như thế nào?

Nhất định phải làm. Chẳng thể kêu khó rồi ta làm qua quít đôi chút; nếu [qua loa, tác trách] như vậy, những điều sau thầy đều chẳng có.

Hiện thời có nhiều gia đình phản đối con cái học Phật. Vì sao? Sau khi đã học Phật bèn chẳng hiểu thuận. Tôi đã từng thấy, họ còn đến kể với tôi, tự mình còn cảm thấy rất đắc ý, [cứ tưởng] chính mình đã làm rất đúng! “Trong nhà, cha mẹ hôm nay lại mổ cá, ngày mai lại giết gà. Cha mẹ đã tạo sát nghiệp, trong tương lai đều phải chịu ác báo”. Cha mẹ bèn nói: “Đứa nhỏ này còn giáo huấn ta, còn trù ẻo ta, nói ta sẽ chịu ác báo, đều là do bị nhà chùa dạy hư”. Vì thế, cha mẹ nảy sanh tâm lý phản kháng, chỉ e sợ con cái của chính mình hễ đến chùa, sẽ học lấy những điều xấu, về nhà chuyện gì cũng phê bình. Những lời ấy cũng chẳng nghe lọt tai, thấy người nhà hết như cừu nhân, nhìn kiểu nào cũng thấy không thuận mắt. Thấy đồng tu còn thân thiết hơn mẹ ruột, người nhà thấy vậy ghen tỵ quá: “Tao nuôi mày lớn ngàn ấy, mày xem mày đối xử với tao kiểu đó. Người kia có quan hệ gì với mày, sao lại có thể thân thiết dường ấy?” Tôi thấy rất nhiều [trường hợp như vậy], cho nên tôi thường dạy người khác: Quý vị hãy đem một phần thân tình với đồng tu đạo hữu về nhà đối đãi với cha mẹ, cha mẹ sẽ vui thích. Trong chốn chùa chiền, quý vị thấy pháp sư bèn đánh lễ, có sao chẳng thể đánh lễ cha mẹ? Chư vị hãy khéo phản tỉnh, kiểm thảo từ những chỗ này, sẽ hiểu vì sao người nhà không chủ trương cho quý vị học Phật, có nguyên nhân cả đấy! Nói thật thà, chúng ta thật sự chẳng làm được hai điều này. Thật sự làm được, cha mẹ nào chẳng thích con cái hiểu thuận, [sẽ nghĩ con cái do] tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật bèn có đức hạnh tốt đẹp ngàn ấy, ước gì tất cả thân thích bằng hữu đều học Phật. Bản thân chúng ta làm sai, khiến cho xã hội hiểu lầm, khiến cho chánh phủ cũng hiểu lầm Phật giáo. Đó là đại bất hiếu! Đúng là đã khiến cho Phật, Tổ mất sạch mặt mũi, mà bản thân chúng ta vẫn tự lấy làm đắc ý, tự cho là Phật tử, đã làm bao nhiêu công đức trong Phật giáo, làm bao nhiêu chuyện tốt, [nào dè] khiến cho mặt mũi [Phật giáo] bị mất sạch mà chính mình vẫn không biết!

Thường niệm kinh văn, trong ấy bao hàm ý nghĩa sâu rộng. Có thể hiểu thảo với cha mẹ, có thể tôn trọng thầy, đương nhiên mới có thể chẳng giết, sanh khởi tâm từ bi, tâm nhân từ đối với hết thảy chúng sanh, chẳng giết hết thảy chúng sanh. “*Tu thập thiện nghiệp*”, thập thiện nghiệp là tiêu chuẩn cho hành vi trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Chúng ta phải làm người như thế nào, xử sự thế nào, đều tuân theo mười điều mục ấy. Tư tưởng, kiến giải, lời nói và hành vi tạo tác của

chúng ta đều có thể phù hợp tiêu chuẩn ấy thì gọi là “tu hành”. Tu hành là sửa đổi hành vi, thân chẳng sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm; miệng chẳng nói dối, không nói đôi chiều. Nói đôi chiều là thêu dệt thị phi; chẳng ác khẩu, ác khẩu là ăn nói thô lỗ, lời nói rất khó nghe. Không ý ngữ, ý ngữ là hoa ngôn xảo ngữ, lừa gạt người khác. Ý không tham, không sân, không si. Bản thân chúng ta có năng lực phân biệt tà, chánh, phân biệt chân, giả, phân biệt đúng, sai, phân biệt lợi, hại, đó là không si. Chẳng có năng lực phân biệt thì là ngu si. Nếu muốn chẳng si, phải đọc sách, phải hiểu lý, quý vị mới chẳng bị ngu si.

Quý vị chẳng đọc sách thánh hiền, chẳng hiểu lý, sẽ thường điên đảo thị phi. Đặc biệt là trong thời đại này, sai lầm do tích tụ [đã lâu] bèn trở thành đúng, mọi người đều sai, chúng ta ngỡ là rất đúng, rất khó phân biệt, thật sự chẳng dễ dàng! Nếu quý vị thật sự [muốn] có năng lực phân biệt thì phải đọc sách thánh hiền, đơn giản là Tứ Thư, Ngũ Kinh, phức tạp hơn một chút là Thập Tam Kinh của Nho gia, Nhị Thập Ngũ Sử, chư tử bách gia, phải đọc vài chục năm mới có thể hiểu rõ, mới có năng lực này, chẳng kịp thời gian! Chẳng kịp thì cũng có phương pháp bổ cứu, “bổ cứu” là cứu giúp trong lúc cấp bách, cứu giúp nhất thời. Thuở sinh tiền, Ấn Quang đại sư lão nhân gia đã trao cho chúng ta ba thứ để cứu giúp trong khi cấp bách, là thuốc có công dụng đặc biệt để trị căn bệnh ngu si của chúng ta. Ba thứ ấy, thứ nhất là Liễu Phàm Tứ Huấn, thứ hai là Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, thứ ba là An Sĩ Toàn Thư, ba bộ sách ấy là thuốc có công dụng đặc biệt, có thể cứu chữa trong cơn cấp bách, rất hữu dụng! Sau đây mới dùng Nho và Phật để dần dần bồi đắp thì thân thể mới có thể khôi phục. Ba loại ấy cứu mạng, khiến cho quý vị bất tử, đã bất tử lại còn rất vui. Phải dùng Phật pháp Đại Thừa và những kinh luận của Nho gia để thông thả học thêm.

Chẳng đọc sách thánh hiền, hậu quả chẳng kham tưởng tượng nổi. Đó là nền giáo dục chân chánh. Hiện thời, Trung Hoa chẳng có giáo dục. Gia đình chẳng có giáo dục, con cái trong gia đình của quý vị chẳng có tiền đồ. Quốc gia chẳng có giáo dục, quốc gia ấy quyết định sẽ bị mất nước. Giáo dục là gì? Giáo dục là không ngu si, là có năng lực phân biệt đúng, sai, chân, vọng, tà, chánh, đó là giáo dục. Nói cách khác, bồi dưỡng cho quý vị có tư tưởng chánh xác, kiến giải chánh xác, hành vi chánh xác. Tiêu chuẩn của Chánh là gì? Tương ứng với Chân Như bản tánh của quý vị, Phật chính là tiêu chuẩn ấy. Nho gia cũng theo tiêu chuẩn ấy, đó là giáo dục. Vì lẽ đó, Phật pháp là giáo dục, là nền giáo dục của đức Phật. Người hiện thời biến Phật giáo thành tôn giáo, đây là nỗi

sĩ nhục lớn lao không gì bằng cho hàng đệ tử Phật, có sao lại biến [Phật giáo] thành tôn giáo? Đệ tử Phật chẳng trọn hết trách nhiệm tuyên dương, [khiến cho] xã hội và chánh phủ hiểu lầm, tưởng [Phật giáo] là tôn giáo. Chúng ta hãy xem Phật giáo hiện thời có phải là tôn giáo hay không? Đúng là tôn giáo. Nó vốn là giáo dục, nay bị biến thành tôn giáo, tôn giáo là gì? Tôn giáo là đối với trời, đối với quỷ thần, hằng ngày giao tiếp cùng quỷ thần.

Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, cho đến một ngàn năm sau, lúc Phật giáo truyền đến Trung Hoa, Phật giáo chẳng hề giao tiếp với người chết, chẳng niệm kinh cho người chết, trong đạo tràng cũng chẳng thờ bài vị, chẳng hề có. [Phật giáo] là cơ quan giáo dục, giáo học! Trong đại điện thờ phụng tượng Phật, tượng Bồ Tát, có cùng ý nghĩa như trong lễ đường của các trường học hiện thời treo di ảnh của Quốc Phụ, hoặc hình Tổng Thống, mang ý nghĩa kỷ niệm, chẳng phải là đối đãi Phật, Bồ Tát như thần thánh. Người hiện thời mấy ai hiểu? Do vậy, nói thật ra là đã biến Phật giáo thành tôn giáo, chúng ta đều có tội lỗi, có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với tổ sư đại đức, chúng ta còn mong trong tương lai có thành tựu, quá khó!

Hôm nay tôi giảng cùng chư vị một điều trong tam phước, vì đây là căn bản của căn bản trong sự tu học, chẳng thể không nói cặn kẽ. Do [Tịnh nghiệp tam phước là chánh nhân tịnh nghiệp của] tam thế chư Phật, trong tương lai chúng ta sẽ thành Phật, tức vị lai Phật, đều do chánh nhân này. Chẳng tu những nhân này, quyết định chẳng thể thành tựu; vì vậy, phải nói cặn kẽ ba điều này cùng chư vị.

Hôm nay, tôi giảng tới đây!